TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ- ST
Ngày 31-10-2018
V/v: Không công nhận quan hệ là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Kim Chung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Phỉ Đính.
2. Bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Khanh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân – C/v: Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018, về việc "Không công nhận quan hệ là vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H' Y, sinh năm 1978 – Có mặt.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Y J, sinh năm 1974 – Có mặt.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị H' Y trình bày: Chị và anh Y J lấy nhau từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Y J hay uống rượu say, đánh đập vợ con, giữa anh chị thường xuyên

cãi chửi nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ giữa hai anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 người con chung là cháu Y T1, sinh ngày 04/8/2000 và cháu Y T2, sinh ngày 28/5/2006. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Y T2, sinh ngày 28/5/2006 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên; đối với cháu Y T1 đã đủ tuổi thành niên nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ: Chị và anh Y J tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2018, anh Y J trình bày: Anh và chị H' Y lấy nhau từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh hay uống rượu say, đánh đập vợ con, giữa anh chị thường xuyên cãi chửi nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị chị H' Y yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng thì anh đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 người con chung là cháu Y T1, sinh ngày 04/8/2000 và cháu Y T2, sinh ngày 28/5/2006. Khi ly hôn, chị H' Y đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Y T2, sinh ngày 28/5/2006 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên; đối với cháu Y T1 đã đủ tuổi thành niên nên chị H' Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Y J đồng ý hoàn toàn với yêu cầu của chị H' Y.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ: Anh và chị H' Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2018, cháu Y T2 trình bày: Việc bố mẹ cháu yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, cháu không có ý kiến gì. Trường hợp bố mẹ cháu không chung sống với nhau nữa, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H' Y.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H' Y và bị đơn anh Y J vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến của mình như trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thay đổi, bổ sung yêu cầu, ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H' Y về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị H' Y và anh

Y J là vợ chồng. Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vấn đề con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn "Không công nhận quan hệ là vợ chồng" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Chị H' Y và anh Y J chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy hôn nhân của Chị H' Y và anh Y J hôn nhân không hợp pháp, không được Nhà nước thừa nhận. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H' Y về việc không công nhận quan hệ giữa chị H' Y và anh Y J là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị H' Y và anh Y J xác nhận, hai anh chị có 02 người con chung là cháu Y T1, sinh ngày 04/8/2000 và cháu Y T2, sinh ngày 28/5/2006. Khi ly hôn, chị H' Y đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Y T2, sinh ngày 28/5/2006 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên; đối với cháu Y T2 đã đủ tuổi thành niên nên chị H' Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Y J đồng ý hoàn toàn với yêu cầu của chị H' Y. Và xét thấy nguyện vọng của cháu Y T2 muốn được ở với mẹ đẻ khi bố mẹ cháu ly hôn là đảm bảo cho sự phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần của cháu, phù hợp với Điêu 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản: Chị H' Y và anh Y J xác nhận, hai anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H' Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, gảm, giao, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị H’ Y và anh Y J là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Y T2, sinh ngày 28/5/2006 cho chị H’ Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Y J có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản: Chị H’ Y và anh Y J tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H’ Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H’ Y đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005407 ngày 29/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Chị H’ Y đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Trương Kim Chung

***Nơi nhận :**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.